

BÁO CÁO

Kết quả giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước năm 2018

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình báo cáo kết quả giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Hòa Bình năm 2018 như sau:

1. Về giám sát tài chính doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước

Tổng số doanh nghiệp thuộc tỉnh quản lý: 07 doanh nghiệp, trong đó:

- Công ty TNHH một thành viên độc lập: 06 doanh nghiệp, bao gồm:
 - + Doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ: 05 doanh nghiệp
 - + Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ công ích: 01 doanh nghiệp.
- Công ty cổ phần nhà nước nắm giữ cổ phần: 01 doanh nghiệp.

2. Về đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp nhà nước

Tổng số 7 doanh nghiệp: xếp loại A có 04 doanh nghiệp, xếp loại B có 0 doanh nghiệp, xếp loại C có 03 doanh nghiệp.

Cơ bản các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có lãi và bảo toàn được vốn, các khoản công nợ đảm bảo khả năng thanh toán nhanh và hiện thời.

Công ty TNHH một thành viên: 2-9 Hòa Bình, Cao phong, Sông Bôi, xếp loại C là do ảnh hưởng thời tiết làm cho sản lượng sản xuất thấp, chi phí cao dẫn đến không đạt các chỉ tiêu theo kế hoạch.

2.1. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

- Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động: Các doanh nghiệp sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

- Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không có doanh nghiệp nào đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

- Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

+ Về quản lý tài sản: Các doanh nghiệp chấp hành và thực hiện theo đúng quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản. Công tác mua sắm tài sản, và trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) thực hiện đúng quy định, đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ. Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích;

+ Công nợ phải thu, công nợ phải trả: Các doanh nghiệp thực hiện mở sổ sách theo dõi chi tiết và đối chiếu công nợ cuối kỳ kế toán.

2.2. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách của Nhà nước (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN...) cho người lao động.

- Chấp hành đầy đủ chế độ kế toán nộp báo cáo đúng thời gian quy định.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và xử lý chất thải.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách.

(Số liệu kèm Biểu số 1, Biểu số 03, Biểu số 05A, 05B)

Sở Tài chính kính gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở TC;
- Phó GD Nguyễn Thị Huyền;
- Phòng TCDN;
- Lưu VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Huyền

UBND TỈNH HÒA BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hòa Bình, ngày tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STC-TCDN ngày 5/2019 của Sở Tài chính)

A. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CAO PHONG

I. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu và thu nhập khác đạt: 8.157 triệu đồng đạt 54 % so với kế hoạch năm, giảm 7% so với năm 2017 (8.776,7 triệu đồng).
- Tổng chi phí thực hiện: 8.027 triệu đồng đạt 68,6% so với kế hoạch năm, tăng 5,9% so với năm 2017 (7.577 triệu đồng).
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 82 triệu đồng, đạt 3,2% so với kế hoạch năm, giảm 90% so với năm 2017 (896,7 triệu đồng).
- Nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách: 849 triệu đồng, tăng 487,3 triệu đồng so với năm 2017 (361,7 triệu đồng).

Nhận xét:

- Hoạt động SXKD: giảm so với kế hoạch năm, giảm so với năm 2017.
- Chi phí sản xuất: 1.696 triệu đồng giảm 5,82% so với năm 2017 (1.801 triệu đồng).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 4.700 triệu đồng tăng 12,4 % so với năm 2017 (4.179 triệu đồng).
- Trích lập dự phòng: không có nợ quá hạn.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp

2.1. Khả năng sinh lời

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) = 0,68%.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) = 0,66%.

2.2. Khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) = 15,01 lần.
- Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) /(nợ ngắn hạn) = 11,74 lần.
- Hệ số nợ phải trả/ Tổng tài sản = 2,87%.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

- Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động: sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

- Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không
- Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:
 - + Về quản lý tài sản: Doanh nghiệp chấp hành và thực hiện theo đúng quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản. Công tác mua sắm tài sản, và trích khấu hao TSCĐ thực hiện đúng quy định, đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ. Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích.
 - + Công nợ phải thu, công nợ phải trả: thực hiện mở sổ sách theo dõi chi tiết và đối chiếu công nợ cuối kỳ kế toán.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách của Nhà nước (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN...) cho người lao động.
- Chấp hành đầy đủ các chế độ kế toán nộp báo cáo đúng thời gian quy định.
- Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và xử lý chất thải.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích: Không có.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị trước đo của chủ sở hữu, kiểm toán, thanh tra, cơ quan quản lý TCDN

- Nghiêm túc thực hiện đầy đủ các kiến nghị của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp và kết luận thanh tra của Thanh tra tỉnh Hòa Bình.

II. KẾT LUẬN

- Về sản lượng sản xuất trong năm 2018, sản phẩm chủ yếu là: Cam, quýt và mía. Trong đó:

+ Sản lượng Cam, quýt thu: 14.032 tấn, tiêu thụ 100%.

+ Sản lượng mía thu: 422 nghìn cây, tiêu thụ 100%.

- Nhìn chung tình hình tài chính của doanh nghiệp tương đối ổn định, các chỉ tiêu thanh toán đảm bảo khả năng thanh toán, chỉ tiêu về thanh toán. Chỉ tiêu về cân đối nợ đảm bảo việc thanh toán các khoản nợ bằng nguồn vốn hợp lý, cơ cấu nguồn vốn và tài sản phù hợp, sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Doanh nghiệp tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành, bảo đảm các chế độ chính sách thu nhập cho người lao động.

- Phân loại doanh nghiệp: An toàn về tài chính.

B. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH HÀ

I. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu và thu nhập khác đạt: 2.436 triệu đồng đạt 122% so với kế hoạch năm, tăng 9,7% so với năm 2017 (2.219 triệu đồng).

- Tổng chi phí thực hiện: 2.188 triệu đồng đạt 122% so với kế hoạch năm, tăng 8,56 % so với năm 2017 (2.219 triệu đồng).
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 198 triệu đồng, tăng 124% so với kế hoạch năm, tăng 22 % so với năm 2017 (2.219 triệu đồng).
- Nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách: 136 triệu đồng, giảm 112 triệu đồng so với năm 2017: 248 triệu đồng.

Nhận xét:

- Hoạt động SXKD: tăng so với năm kế hoạch và năm 2017.
- Chi phí sản xuất: 1.580 triệu đồng tăng 7% so với năm 2017 (1.477 triệu đồng).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 1.588 triệu đồng tăng 7% so với năm 2017 (1.483 triệu đồng).
- Trích lập dự phòng: Không có nợ quá hạn và nợ khó đòi.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp

2.1. Khả năng sinh lời

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) = 8,59%.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) = 6,07%.

2.2. Khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) = 2,55 lần.
- Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/(nợ ngắn hạn) = 2,55 lần.
- Hệ số nợ phải trả/ Tổng tài sản = 0,29 lần.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

- Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động: sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

- Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không

- Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

+ Về quản lý tài sản: Doanh nghiệp chấp hành và thực hiện theo đúng quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản. Công tác mua sắm tài sản, và trích khấu hao TSCĐ thực hiện đúng quy định, đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ. Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích.

+ Công nợ phải thu, công nợ phải trả: thực hiện mở sổ sách theo dõi chi tiết và đối chiếu công nợ cuối kỳ kế toán.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách của Nhà nước (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN...) cho người lao động.

- Chấp hành đầy đủ các chế độ kế toán nộp báo cáo đúng thời gian quy định.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và xử lý chất thải.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách.
- Thực hiện về chế độ chứng từ kế toán chưa nghiêm túc.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích: Không có.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị trước đo của chủ sở hữu, kiểm toán, thanh tra, cơ quan quản lý TCDN

- Nghiêm túc thực hiện đầy đủ các kiến nghị của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp và kết luận thanh tra của Thanh tra tỉnh Hòa Bình.

II. KẾT LUẬN

- Về sản lượng sản xuất trong năm 2018: Sản phẩm chủ yếu là một số loại cây trồng như Cam, Nhãn, Vải, thanh long ruột đỏ... thực hiện kế hoạch vùng chuyển đổi cây trồng, xây dựng vùng sản xuất cây có múi.

- Nhìn chung tình hình tài chính của doanh nghiệp tương đối ổn định, các chỉ tiêu thanh toán đảm bảo khả năng thanh toán, chỉ tiêu về thanh toán. Chỉ tiêu về cân đối nợ đảm bảo việc thanh toán các khoản nợ bằng nguồn vốn hợp lý, cơ cấu nguồn vốn và tài sản phù hợp. Sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Doanh nghiệp tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành, bảo đảm các chế độ chính sách thu nhập cho người lao động.

- Phân loại doanh nghiệp: An toàn về tài chính.

C. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SÔNG BÔI

I. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu và thu nhập khác đạt: 11.926 triệu đồng đạt 134% so với kế hoạch năm, tăng 18,6% so với năm 2017 (10.054 triệu đồng).
- Tổng chi phí thực hiện: 11.748 triệu đồng đạt 135% so với kế hoạch năm, tăng 18,6% với năm 2017 (9.898,7 triệu đồng).
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 142 triệu đồng, đạt 71,2% so với kế hoạch năm, tăng 14,5 % so với năm 2017 (124 triệu đồng).
- Nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách: 36 triệu đồng, tăng 3 triệu đồng so với năm 2017: 33 triệu đồng.

Nhận xét:

- Hoạt động SXKD: tăng so với kế hoạch và năm 2017.
- Chi phí sản xuất: 5.540 triệu đồng giảm 2,3% so với năm 2017 (5.670,8 triệu đồng).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 3.356 triệu đồng, giảm 10,2% so với năm 2017 (3.741 triệu đồng).
- Trích lập dự phòng: Không có nợ quá hạn và nợ khó đòi.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp

2.1. Khả năng sinh lời

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)= 2,44 %.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) = 1,55 %.

2.2. Khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) = 1,43 lần.
- Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / (nợ ngắn hạn) = 1,17 lần.
- Hệ số nợ phải trả/ Tổng tài sản = 0,36 lần.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

- Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động: sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

- Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không

- Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

+ Về quản lý tài sản: Doanh nghiệp chấp hành và thực hiện theo đúng quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản. Công tác mua sắm tài sản, và trích khấu hao TSCĐ thực hiện đúng quy định, đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ. Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích.

+ Công nợ phải thu, công nợ phải trả: thực hiện mở sổ sách theo dõi chi tiết và đối chiếu công nợ cuối kỳ kế toán.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách của Nhà nước (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN...) cho người lao động.

- Chấp hành đầy đủ các chế độ kế toán nộp báo cáo đúng thời gian quy định.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và xử lý chất thải.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích: Không có.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị trước đo của chủ sở hữu, kiểm toán, thanh tra, cơ quan quản lý TCDN

- Nghiêm túc thực hiện đầy đủ các kiến nghị của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp và kết luận thanh tra của Thanh tra tỉnh Hòa Bình.

II. KẾT LUẬN

- Về sản lượng sản xuất trong năm 2018: 134.584 tấn đạt 105% so với kế hoạch năm (130 nghìn tấn). Sản lượng tiêu thụ 134.584 tấn.

- Nhìn chung tình hình tài chính của doanh nghiệp tương đối ổn định, các chỉ tiêu thanh toán đảm bảo khả năng thanh toán, chỉ tiêu về thanh toán. Chỉ tiêu về cân đối nợ đảm bảo việc thanh toán các khoản nợ bằng nguồn vốn hợp lý, cơ cấu nguồn vốn và tài sản phù hợp tuy nhiên hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa

cao. Doanh nghiệp tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành, bảo đảm các chế độ chính sách thu nhập cho người lao động.

- Phân loại doanh nghiệp: An toàn về tài chính.

D. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 2-9

I. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu và thu nhập khác đạt: 2.092 triệu đồng đạt 64% so với kế hoạch năm, giảm 13,3% so với năm 2017 (2.415 triệu đồng).
- Tổng chi phí thực hiện: 2.406 triệu đồng đạt 74,9 % so với kế hoạch năm, giảm 28,2 % so với năm 2017 (3.354,7 triệu đồng).
- Lợi nhuận sau thuế đạt: âm 314 triệu đồng, năm 2017 (âm 939 đồng).
- Nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách: 37 triệu đồng, giảm 10 triệu đồng so với năm 2017 (49 triệu đồng).

Nhận xét:

- Hoạt động SXKD: giảm so kế hoạch giao và với năm 2017.
- Chi phí sản xuất: 1.680 triệu đồng giảm 12,8% so với năm 2017 (1.927 triệu đồng).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 1.451 triệu đồng giảm 16% so với năm 2017 (1.728 triệu đồng).
- Trích lập dự phòng: Không có nợ quá hạn.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp

2.1. Khả năng sinh lời

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) = âm 220 %.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) = âm 30,4 %.

2.2. Khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) = 0,70 lần.
- Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/(nợ ngắn hạn) = 0,49 lần.
- Hệ số nợ phải trả/ Tổng tài sản = 0,86 lần.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

- Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động: sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

- Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không

- Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

+ Về quản lý tài sản: Doanh nghiệp chấp hành và thực hiện theo đúng quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản. Công tác mua sắm tài sản, và trích khấu hao TSCĐ thực hiện đúng quy định, đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ. Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích.

+ Công nợ phải thu, công nợ phải trả: thực hiện mở sổ sách theo dõi chi tiết và đối chiếu công nợ cuối kỳ kế toán.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách của Nhà nước (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN...) cho người lao động.

- Chấp hành đầy đủ các chế độ kế toán nộp báo cáo đúng thời gian quy định.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và xử lý chất thải.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích: Không có.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị trước đo của chủ sở hữu, kiểm toán, thanh tra, cơ quan quản lý TCDN

- Nghiêm túc thực hiện đầy đủ các kiến nghị của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp và kết luận thanh tra của Thanh tra tỉnh Hòa Bình.

II. KẾT LUẬN

- Nhìn chung tình hình tài chính của doanh nghiệp không ổn định, không đảm bảo các chỉ tiêu thanh toán đảm bảo khả năng thanh toán, chỉ tiêu về thanh toán. Chỉ tiêu về cân đối nợ đảm bảo việc thanh toán các khoản nợ bằng nguồn vốn hợp lý, cơ cấu nguồn vốn và tài sản phù hợp. Hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp. Nguyên nhân do ảnh hưởng của thời tiết dẫn đến năng suất chèn giảm mạnh, thêm vào đó có một số ca thành phẩm chèn của công ty có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật vượt quá ngưỡng cho phép nên khách hàng giảm giá. Sản lượng sản xuất thấp, chi phí cao dẫn đến không đạt các chỉ tiêu theo kế hoạch.

- Phân loại doanh nghiệp: Không an toàn về tài chính.

Đ. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SÓ KIẾN THIẾT

I. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu và thu nhập khác đạt: 49.369 triệu đồng đạt 108% so với kế hoạch năm, tăng 2 % so với năm 2017 (48.386 triệu đồng).

- Tổng chi phí thực hiện: 48.706 triệu đồng đạt 109% so với kế hoạch năm, tăng 1,88% so với năm 2017 (47.804 triệu đồng).

- Lợi nhuận sau thuế đạt: 521,7 triệu đồng, đạt 100,3% so với kế hoạch năm, tăng 12 % so với năm 2017 (465 triệu đồng).

- Nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách: 10.205 triệu đồng tăng 59 triệu đồng so với năm 2017 (10.146 triệu đồng).

Nhận xét:

- Hoạt động SXKD: tăng so với kế hoạch và với năm 2017.

- Chi phí sản xuất: 43.991 triệu đồng tăng 3,4% so với năm 2017 (42.530 triệu đồng).

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 8,164 triệu đồng tăng 6,76% so với năm 2017 (7.647,6 triệu đồng).

- Trích lập dự phòng: Không có nợ quá hạn.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp

2.1. Khả năng sinh lời

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) = 2,506%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) = 1,86%.

2.2. Khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) = 1,87 lần.

- Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / (nợ ngắn hạn) = 1,56 lần.

- Hệ số nợ phải trả/ Tổng tài sản = 0,26 (lần).

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

- Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động: sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

- Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không

- Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

+ Về quản lý tài sản: Doanh nghiệp chấp hành và thực hiện theo đúng quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản. Công tác mua sắm tài sản, và trích khấu hao TSCĐ thực hiện đúng quy định, đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ. Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích.

+ Công nợ phải thu, công nợ phải trả: thực hiện mở sổ sách theo dõi chi tiết và đối chiếu công nợ cuối kỳ kế toán.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách của Nhà nước (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN...) cho người lao động.

- Chấp hành đầy đủ các chế độ kế toán nộp báo cáo đúng thời gian quy định.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và xử lý chất thải.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích: Không có.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị trước đo của chủ sở hữu, kiểm toán, thanh tra, cơ quan quản lý TCDN

- Nghiêm túc thực hiện đầy đủ các kiến nghị của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp và kết luận thanh tra của Thanh tra tỉnh Hòa Bình.

II. KẾT LUẬN

- Nhìn chung tình hình tài chính của doanh nghiệp tương đối ổn định, các chỉ tiêu thanh toán đảm bảo khả năng thanh toán, chỉ tiêu về thanh toán. Chỉ tiêu

về cân đối nợ đảm bảo việc thanh toán các khoản nợ bằng nguồn vốn hợp lý, cơ cấu nguồn vốn và tài sản phù hợp, sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Doanh nghiệp tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành, bảo đảm các chế độ chính sách thu nhập cho người lao động.

- Phân loại doanh nghiệp: An toàn về tài chính.

E. CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

I. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu và thu nhập khác đạt: 21.480 triệu đồng đạt 114% so với kế hoạch năm, tăng 6,27 % so với năm 2017 (20.213 triệu đồng).
- Tổng chi phí thực hiện: 20.398 triệu đồng đạt 109% so với kế hoạch năm, tăng 6,8 % so với năm 2017 (19.099 triệu đồng).
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 1.076 triệu đồng, đạt 7.692% so với kế hoạch năm, giảm 3,6% so với năm 2017 (1.110 triệu đồng).
- Nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách: 72 triệu đồng giảm 46 triệu đồng so với năm 2017 (118 triệu đồng).

Nhận xét:

- Hoạt động SXKD: tăng so với kế hoạch và với năm 2017.
- Chi phí sản xuất: tăng so với năm 2017.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 3.689 triệu đồng tăng 13,3 % so với năm 2017 (3.254 triệu đồng).
- Trích lập dự phòng: Không có nợ quá hạn.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp

2.1. Khả năng sinh lời

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) = 0,1843%.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) = 0,1829%.

2.2. Khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) = 1,328 lần.
- Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/(nợ ngắn hạn) = 1,30 lần.
- Hệ số nợ phải trả/ Tổng tài sản = 0,007 lần.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

- Tình hình huy động và sử dụng vốn huy động: sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

- Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không

- Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

+ Về quản lý tài sản: Doanh nghiệp chấp hành và thực hiện theo đúng quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản. Công tác mua sắm tài sản, và trích

khấu hao TSCĐ thực hiện đúng quy định, đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ. Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích.

+ Công nợ phải thu, công nợ phải trả: thực hiện mở sổ sách theo dõi chi tiết và đối chiếu công nợ cuối kỳ kế toán.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách của Nhà nước (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN...) cho người lao động.

- Chấp hành đầy đủ các chế độ kế toán nộp báo cáo đúng thời gian quy định.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và xử lý chất thải.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích

- Sản lượng sản xuất năm 2018:

+ Kế hoạch tổng diện tích tưới, tiêu: 16.812,10 ha.

+ Thực hiện tổng diện tích tưới, tiêu: 16.818,70 ha tăng 6,6 ha so với kế hoạch năm đạt 100,04%.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị trước đo của chủ sở hữu, kiểm toán, thanh tra, cơ quan quản lý TCDN

- Nghiêm túc thực hiện đầy đủ các kiến nghị của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp và kết luận thanh tra của Thanh tra tỉnh Hòa Bình.

II. KẾT LUẬN

- Nhìn chung tình hình tài chính của doanh nghiệp tương đối ổn định, các chỉ tiêu khả năng thanh toán thấp. Chỉ tiêu về cân đối nợ đảm bảo việc thanh toán các khoản nợ bằng nguồn vốn hợp lý, cơ cấu nguồn vốn và tài sản phù hợp. Hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp. Doanh nghiệp tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành, bảo đảm các chế độ chính sách thu nhập cho người lao động.

- Phân loại doanh nghiệp: An toàn về tài chính.

F. CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH HÒA BÌNH

Tên doanh nghiệp có vốn góp: Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình

1. Thông tin chung về doanh nghiệp có vốn góp

a. Các thông tin cơ bản

- Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5400108279 thay đổi lần thứ 2 ngày 19/11/2015 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp.

- Vốn điều lệ: 66.792.897.475đồng,

Trong đó:

+ Vốn nhà nước: 26.717.158.990 đồng tỷ lệ nắm giữ: 40%.

+ Vốn của các cổ đông khác : 40.075.738.485 đồng, tỷ lệ nắm giữ: 60%.

b. Cơ cấu quản trị của doanh nghiệp

-Thành phần của Hội đồng quản trị:

- + Bà : Nguyễn Thị Hoa - Chủ tịch
- + Ông: Đinh Đức Thiện - Thành viên
- + Ông: Nguyễn Duy Hùng - Thành viên
- + Ông: Nguyễn Trọng Hiếu - Thành viên
- + Ông: Nguyễn Anh Việt - Thành viên

- Ban Kiểm soát:

- + Ông: Đoàn Thị Thu Hà - Trưởng ban
- + Ông: Hoàng Văn Anh - Thành viên
- + Bà: Nguyễn Thị Mùi - Thành viên

- Ban Điều hành:

- + Bà: Nguyễn Duy Hùng - Giám đốc
- + Ông: Đinh Đức Thiện - Phó Giám đốc
- + Ông: Diệp Quang Huy - Phó Giám đốc

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hoa

Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sản xuất nước uống tinh khiết; Xây dựng công trình dân dụng; Khảo sát, thiết kế, lập dự án. Tư vấn giám sát, quản lý công trình cấp thoát nước; Cho thuê nhà xưởng, tài sản, máy móc thiết bị, phương tiện xe vận tải.

2. Thông tin về người đại diện

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hoa
- Người đại diện phụ trách chung phần vốn nhà nước: Bà Nguyễn Thị Hoa

3. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu và thu nhập khác đạt: 57.016 triệu đồng đạt 107% so với kế hoạch năm, tăng 1,5% so với năm 2017 (56.173 triệu đồng).
- Tổng chi phí thực hiện: 52.547 triệu đồng đạt 105% so với kế hoạch năm, tăng 3,5% so với năm 2017 (50.766 triệu đồng).
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 3.549 triệu đồng đạt 138% so với kế hoạch năm, giảm 17 % so với năm 2017 (4.291 triệu đồng).
- Nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách: 7.547 triệu đồng, giảm 7 triệu đồng so với năm 2017 (7.554 triệu đồng).

Nhận xét:

- Hoạt động SXKD: tăng so với kế hoạch và năm 2017.
- Chi phí sản xuất: tăng so với năm 2017.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 7.815 triệu đồng tăng 15 % so với năm 2017 (6.763 triệu đồng).
- Trích lập dự phòng: Không có nợ quá hạn.

4. Tình hình tài chính của doanh nghiệp

4.1. Khả năng sinh lời

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) = 4,87%.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) = 1,08%.

4.2. Khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) = 10,57 lần.
- Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / (nợ ngắn hạn) = 9,33 lần.
- Hệ số nợ phải trả/ Tổng tài sản = 0,77lần.

5. Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án đầu tư hình thành tài sản cố định và xây dựng cơ bản

Đánh giá tiến độ thực hiện dự án/kế hoạch. Dự án cấp nước thị trấn Cao Phong - Lương Sơn đã hoàn thành, nhân dân vùng dự án huyện Lương Sơn đã được sử dụng nước sạch từ tháng 10/2014, nhân dân thị trấn Cao Phong được sử dụng nước sạch từ tháng 2/2015.

6. Hiệu quả sử dụng vốn

- Doanh nghiệp chấp hành tốt các chế độ chính sách, đạt được lợi nhuận, sử dụng vốn tài sản bảo đảm hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Bảo toàn vốn của các nhà đầu tư, tạo việc làm làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

7. Cổ tức được chia

- Tỷ lệ cổ tức được chia: 3,986 %; Giá trị: 398,618 đồng.
- Số cổ tức thực nhận trong năm báo cáo: 400 đồng/CP.

8. Vướng mắc khó khăn của doanh nghiệp

Hệ thống cấp nước tại các huyện:

+ Hệ thống cấp nước tại huyện Đà Bắc không hoạt động đã nhiều năm nhưng doanh nghiệp vẫn tiếp tục phải thuê nhân công bảo vệ, ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

+ Các khu xử lý nước các huyện thời gian đầu tư tài sản đã trên 10 năm, hệ thống đường ống đã hư hỏng, gãy vỡ, cần cải tạo nâng cấp; Lượng nước tiêu thụ chưa đạt công suất thiết kế, do đó sản lượng doanh thu thấp, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như kết quả kinh doanh của Công ty.

II. KẾT LUẬN

- Nhìn chung tình hình tài chính của doanh nghiệp ổn định, các chỉ tiêu thanh toán đảm bảo khả năng thanh toán, chỉ tiêu về thanh toán. Chỉ tiêu về cân đối nợ đảm bảo việc thanh toán các khoản nợ bằng nguồn vốn hợp lý, cơ cấu nguồn vốn và tài sản phù hợp, sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Doanh nghiệp tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành, bảo đảm các chế độ chính sách thu nhập cho người lao động.

- Phân loại doanh nghiệp: An toàn về tài chính.

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HÒA BÌNH